

Số: **97** /BC-SCT

Lào Cai, ngày **19** tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình sản xuất, chế biến, nguồn cung nông, lâm, thủy sản phục vụ xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Thực hiện văn bản số 355/XNK-NS ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) về việc báo cáo tình hình sản xuất, chế biến, nguồn cung nông, lâm, thủy sản phục vụ xuất khẩu, Sở Công Thương tỉnh Lào Cai báo cáo tình hình sản xuất, chế biến, nguồn cung nông, lâm, thủy sản phục vụ xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN VÀ NGUỒN CUNG NÔNG LÂM THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN PHỤC VỤ XUẤT KHẨU

1. Tiềm năng sản xuất, chế biến nông lâm sản, thủy hải sản

- Lào Cai có diện tích đất tự nhiên 6.383,88 km² (trong đó đất nông nghiệp có 84.181 ha, đất lâm nghiệp 334.301 ha). Hệ thống sông suối dày đặc được phân bố khá đều trên địa bàn tỉnh với 2 con sông lớn chảy qua là sông Hồng và sông Chảy bắt nguồn từ Trung Quốc và nhiều sông, suối lớn nhỏ. Đất nông nghiệp có độ phì nhiêu cao, rất màu mỡ, đa dạng bao gồm 10 nhóm đất với 30 loại đất chính, nguồn nước dồi dào giàu phù sa phù hợp với nhiều loại cây trồng mang lại năng suất và chất lượng cao cho các sản phẩm nông nghiệp

- Bên cạnh đó, Lào Cai có địa hình khá phong phú, phân tầng độ cao thấp rõ rệt, khí hậu nhiệt đới gió mùa, chia làm hai vùng: Vùng cao, nhiệt độ trung bình từ 15°C- 20°C, với đặc điểm khí hậu á nhiệt đới, mát mẻ về mùa hè, lạnh giá về mùa đông; vùng thấp nhiệt độ trung bình từ 23°C – 29°C gồm các xã nằm dọc theo sông Hồng và một phần sông Chảy mang đặc trưng của khí hậu nhiệt đới nóng ẩm. Sự đa dạng của khí hậu cùng tài nguyên sinh học cho phép tỉnh phát triển cơ cấu cây trồng phong phú như phát triển các loại cây ăn quả nhiệt đới (chuối, dứa, cam, quýt ...) tại Mường Khương, cây dược liệu (thảo quả, Atisô) tại Văn Bàn, Sa Pa, Bát Xát, cây chè vùng cao phát triển thành vùng hàng hóa tập trung như Sa Pa, Bắc Hà, Mường Khương, Bảo Thắng, Bát Xát. Trong đó các mặt hàng nông sản như: chuối, dứa, chè, sắn và một số cây trồng ôn đới táo, lê, đào, mận, địa lan, rau trái vụ đều mang tính đặc sản mà các vùng thấp không có được. Đây chính là một tiềm năng, thế mạnh riêng của tỉnh Lào Cai.

- Nguồn lao động hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp dồi dào (chiếm tỉ trọng trên 70%), phần lớn người dân có kinh nghiệm sản xuất, gắn bó với đồng ruộng từ lâu đời.

2. Kết quả hoạt động sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Những năm qua sản xuất nông nghiệp của Lào Cai đã chuyển dịch đúng hướng và tích cực, ngày càng phát huy những lợi thế về đất đai, khí hậu và cây trồng, từng bước gắn với thị trường tiêu thụ để đảm bảo phát triển có hiệu quả và bền vững. Hầu hết các chỉ tiêu phát triển nông nghiệp đều hoàn thành ở mức độ rất cao. Giá trị sản phẩm thu được trên 1ha đất trồng trọt tăng đều qua các năm (49,65 triệu/ha năm 2015 lên trên 53 triệu đồng/ha năm 2017). Tổng sản lượng lương thực của tỉnh tiếp tục giữ được đà tăng ổn định đạt 306.000 tấn trong năm 2017. Đối với các cây công nghiệp, cây ăn quả tiếp tục khẳng định sự hình thành vững chắc về mọi mặt, số liệu thể như sau:

- Cây chè: với tổng diện tích tập trung đạt trên 5.500 ha chè, toàn tỉnh đạt sản lượng chè búp tươi trên 21.600 tấn/năm đạt sản lượng cao nhất từ trước đến nay. Hầu hết các vùng chè của Lào Cai đã và đang làm chè sạch theo tiêu chuẩn ViệtGAP. Về cơ bản chè thu hoạch từ các vùng chè của Lào Cai được các công ty trên địa bàn thu mua để chế biến phục vụ cho xuất khẩu sang một số thị trường như: các nước Trung Đông, Đài Loan và Nga. Diện tích trồng chè hàng năm tiếp tục được mở rộng, trong năm 2018 đã thực hiện trồng mới được 450 ha chè bằng các giống có chất lượng cao (*Kim tuyên, Ô Long, Ngọc Thúy*).

- Một số loại cây được trồng nhiều ở khu vực biên giới phục vụ nhu cầu mua bán, trao đổi của cư dân như: Chuối diện tích trồng đạt trên 2.000 ha, sản lượng quả tươi đạt 34.171 tấn; dứa diện tích trồng đạt 1.134 ha, sản lượng đạt 21.477 tấn; ngô diện tích trồng đạt 36.578 ha, sản lượng đạt 144.600 tấn; sắn diện tích trồng đạt 8.681 ha, sản lượng đạt 112.700 tấn.

- Cây ăn quả diện tích đạt trên 9.804 ha, sản lượng quả tươi đạt trên 85.942 tấn (*dứa: 1.134 ha; chuối: 2.039 ha...*) tiếp tục đem lại giá trị và hiệu quả trong sản xuất. Phát triển cây ăn quả ôn đới với diện tích trên 2000 ha (*Đào Pháp: 386 ha, Lê VH6: 561 ha; Mận tam hoa Bắc Hà: 860ha...*).

- Nuôi trồng thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản toàn tỉnh là 1.981 ha, năng suất bình quân đạt 2,99 tấn/ha, sản lượng đạt 6.225 tấn. Trong đó: nuôi cá ao hồ nhỏ sản lượng đạt trên 8.400 tấn, chủ yếu là các loài cá có giá trị kinh tế cao như cá lăng, cá chiên, trắm cỏ, cá chép, diêu hồng; nuôi cá nước lạnh đã tăng nhanh từ 13.200 m³ bể nuôi nước chảy với sản lượng 105 tấn năm 2011, đến năm 2017 đạt 57.100m³.

(*Biểu chi tiết gửi kèm theo*)

Để đạt được kết quả đó, trong những năm qua tỉnh Lào Cai đã áp dụng, ban hành những cơ chế chính sách thuận lợi để phát triển ngành nông nghiệp phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu:

- Tăng cường hỗ trợ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ trồng, chế biến chè chất lượng cao; sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP; hỗ trợ phát triển các sản phẩm nông sản đặc thù của địa phương.

- Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm định hướng, hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm chủ lực thuộc lĩnh vực nông nghiệp. Đặc biệt là các mặt hàng nông sản có tiềm năng xuất khẩu của tỉnh như: chuối, dưa, ngô hạt, sắn, rau, hoa, thịt lợn, các loại cá nước lạnh...

- Triển khai đưa vào sử dụng Hệ thống minh bạch thông tin, truy xuất nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm nông nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động quảng bá thương hiệu sản phẩm an toàn của tỉnh Lào Cai và phục vụ tốt nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

II. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CÁC MẶT HÀNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN QUA ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

1. Kết quả xuất khẩu

- Năm 2015 xuất khẩu trên 700 nghìn tấn hàng hóa nông sản giá trị đạt trên 190 triệu USD (chiếm gần 40% tổng kim ngạch xuất khẩu), trong đó chủ yếu là các mặt hàng như: gạo 141 nghìn tấn đạt 71,8 triệu USD, đường 79 nghìn tấn đạt 38,9 triệu USD, cao su 24 nghìn tấn đạt 24,7 triệu USD, củ sắn 178 nghìn tấn đạt 15,3 triệu USD, quả vải 31 nghìn tấn giá trị đạt 12 triệu USD.

- Năm 2016 xuất khẩu trên 500 nghìn tấn hàng hóa nông sản đạt gần 100 triệu USD (chiếm trên 27% tổng kim ngạch xuất khẩu), trong đó chủ yếu là các mặt hàng như: gạo 25 nghìn tấn đạt 11,3 triệu USD, củ sắn 190 nghìn tấn đạt 14 triệu USD, quả vải 37 nghìn tấn, các loại trái cây khác 100 nghìn tấn đạt 26 triệu USD.

- Năm 2017 xuất khẩu trên 450 nghìn tấn hàng hóa nông sản đạt trên 200 triệu USD (chiếm trên 32% tổng kim ngạch xuất khẩu), trong đó chủ yếu là các mặt hàng như: quả thanh long 240 nghìn tấn đạt 152 triệu USD, củ sắn 175 nghìn tấn đạt 21,1 triệu USD, quả dưa hấu 15 nghìn tấn giá trị đạt 2,9 triệu USD, chuối 8 nghìn tấn đạt 3,8 triệu USD, hạt tiêu 7.811 tấn giá trị đạt 18,3 triệu USD; hạt điều 415 tấn giá trị đạt 4,7 triệu USD.

Các mặt hàng nông, lâm, thủy sản xuất khẩu qua địa bàn tỉnh Lào Cai chủ yếu là từ các địa phương khác, trong đó hàng hóa của tỉnh Lào Cai chiếm tỷ trọng rất nhỏ với các mặt hàng như: sắn, chuối, dưa, ngô chủ yếu được xuất khẩu dưới hình thức mua bán trao đổi của cư dân biên giới. Hàng năm, xuất khẩu dưới hình thức mua bán trao đổi của cư dân biên giới được khoảng: 18 nghìn tấn chuối, 10 nghìn tấn dưa và khoảng 7 nghìn tấn ngô hạt.

2. Tình hình thực hiện các chính sách kiểm dịch động, thực vật

Trong những năm qua, tỉnh Lào Cai luôn thực hiện tốt công tác kiểm dịch động, thực vật, kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm xuất khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo đúng các quy định hiện hành. Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ nguồn hàng, giải quyết thủ tục kiểm dịch nhanh chóng, góp phần thúc đẩy hoạt động xuất khẩu được thông thoáng và thuận lợi. Kết quả cụ thể:

+ Năm 2015: Thực hiện kiểm dịch thực vật đối với 16.400 lô, khối lượng đạt 898.300 tấn. Kiểm dịch động vật đối với 73.665 tấn thủy sản đông lạnh (chủ yếu là tôm); 300 con cá sấu nước ngọt; 4.870 tấn sản phẩm động vật (gà, vịt, lợn);

+ Năm 2016: Thực hiện kiểm dịch thực vật đối với 6.297 lô, khối lượng đạt 391.314 tấn. Kiểm dịch động vật đối với 1.190 tấn, 426 tấn thủy sản.

+ Năm 2017: Thực hiện kiểm dịch thực vật đối với 4.890 lô, khối lượng đạt 796.999 tấn. Kiểm dịch động vật đối với 2.745,2 tấn sản phẩm, 2.683,2 tấn sản phẩm động vật và 62 tấn thủy sản.

3. Đánh giá khả năng xuất khẩu nông, lâm, thủy hải sản của tỉnh

Lào Cai có nhiều điều kiện để phát triển các sản phẩm nông sản đặc trưng mà các vùng miền khác không có tuy nhiên về cơ bản các loại nông sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai hiện nay được sản xuất nhỏ lẻ, với sản lượng còn thấp và chưa có công nghệ chế biến, bảo quản phù hợp.

Mặt hàng nông sản của Lào Cai còn hạn chế về số lượng chủ yếu tập trung vào một số sản phẩm như: cây chè, chuối, dưa, sắn và các sản phẩm từ sắn, quế, ớt quả. Những cây trồng phát huy thế mạnh về vị trí địa lý, đất đai, khí hậu của tỉnh như cây ăn quả ôn đới, cây dược liệu, hoa, thủy sản nước lạnh ... có giá trị kinh tế cao chưa được quy hoạch, đầu tư đúng mức để phát triển thành những vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn nhằm phục vụ xuất khẩu.

Do đó, việc phát triển sản xuất các mặt hàng nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai hiện nay mới chỉ xác định phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội địa là chủ yếu.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Với thực trạng phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản của tỉnh và kết quả xuất khẩu mặt hàng nông, lâm, thủy sản qua các cửa khẩu trên địa bàn nêu trên, Tỉnh Lào Cai xác định lợi thế so sánh của Lào Cai là đưa các cửa khẩu của Lào Cai trở thành "cầu nối" thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc. Để phát huy vai trò "cầu nối" của Lào Cai, Sở Công Thương tỉnh Lào Cai có một số kiến nghị, đề xuất như sau:

(1) Đề nghị các Bộ, ngành liên quan tiếp tục hỗ trợ, giúp đỡ tỉnh Lào Cai đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu qua cửa khẩu quốc tế Lào Cai – Hà Khẩu như: Thỏa thuận với Chính phủ Trung Quốc chính thức áp dụng thời gian làm việc tại cửa khẩu quốc tế đường bộ số II Kim Thành – Bắc Sơn từ 7 giờ đến 22 giờ hàng ngày theo giờ Việt Nam để nâng cao năng lực thông quan hàng hóa; hỗ trợ kinh phí và chỉ đạo các Hiệp hội, ngành hàng phối hợp với tỉnh Lào Cai tổ chức các hội nghị xúc tiến xuất khẩu, hội nghị giao thương doanh nghiệp để thúc đẩy xuất nhập khẩu qua địa bàn tỉnh Lào Cai.

(2) Đề nghị Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì làm việc với cơ quan chức năng phía Trung Quốc để mở rộng danh sách các doanh nghiệp sản xuất chế biến gạo của Việt Nam được phép xuất khẩu sang Trung Quốc; mở rộng danh sách các mặt hàng trái cây của Việt Nam được xuất khẩu sang Trung Quốc như: măng cụt, na, chanh leo, bưởi và roi (hiện nay đang áp dụng 8 mặt hàng trái cây là: vải, nhãn, dưa hấu, thanh long, chôm chôm, xoài, mít và chuối).

(3) Đề nghị Bộ Công Thương báo cáo Thủ tướng Chính phủ sớm cho phép thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa của thương nhân qua các lối mở biên giới trên địa bàn tỉnh Lào Cai để khuyến khích xuất khẩu các mặt hàng do Việt Nam sản xuất đặc biệt là hàng hóa nông, lâm, thủy sản.

Trên đây là báo cáo về tình hình sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Kính đề nghị Cục Xuất, nhập khẩu - Bộ Công Thương nghiên cứu, tổng hợp./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- GD, PGD (N.T.Giang);
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu VT, XNK. 



Đỗ Trường Giang

**BIỂU : DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG CÁC LOẠI NÔNG SẢN CHÍNH, CÓ TIỀM NĂNG XUẤT KHẨU
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI GIAI ĐOẠN 2015 - 2017**

(Kèm theo Báo cáo số: **97** /BC-SCT ngày **19** tháng **4** năm 2018 của Sở Công Thương tỉnh Lào Cai)

Loại cây trồng	Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017		
	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
Lương thực có hạt	66.504,00		281.880,00	67.648,00			68.110,00		305.300,00
Lúa	30.358,00	49,30	149.626,00	31.179,00	50,56	157.646,00	31.532,00	50,97	160.700,00
Ngô	36.146,00	36,6	132.254,00	36.469,00	37,90	138.382,00	36.578,00	38,48	144.600,00
Đậu tương	4.989,00	10,7	5.355,00	5.043,00	11,14	5.617,00			
Rau	10.522,00	113,00	118.807,00	11.011,00	116,2	128.000,00	12.464,00	118,00	147.015,00
Hoa	242,30			250,00			327,00		
Chè	5.150,00		18.577,00	5.650,00		19.555,00	5.466,30		21.640,00
Chuối	1.483,00	232,00	34.407,00	2.012,00	198,8	40.008,00	2.039,00	167,60	34.171,00
Dứa	997,00	187,60	18.700,00	905,00	188,70	17.081,00	1.134,00	189,40	21.477,00
Sắn	8.295,00	128,30	114.471,00	8.763,00	129,70	113.648,00	8.681,00	129,80	112.771,00
Dược liệu	210	-	-	226,00	-	-	900,00	-	-